HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /2022/NQ-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CPngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương được phân bổ cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch, tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban ngành và các cấp chính quyền địa phương.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đã được bố trí vốn ngân sách Trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), các xã đạt dưới 15 tiêu chí.

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách Trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022)

Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã: hệ số phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho các huyện, thành phố, thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021) như sau:

1. Xã đặc biệt khó khăn: hệ số 4,0.

2. Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: hệ số 1,3.

3. Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): hệ số 1,0.

Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2022-2025

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các xã: hệ số phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho các huyện, thành phố, thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021) như sau:

a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: hệ số 5,0.

b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: hệ số 3,0.

c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1,0.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới:

Hệ số phân bổ cho 01 huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới cao gấp 04 lần so với xã đạt dưới 15 tiêu chí quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Đối với kế hoạch vốn sự nghiệp hỗ trợ từ ngân sách Trung ương hằng năm thực hiện phân bổ theo các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 6. Nguyên tắc và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ Chương trình năm 2021 (chuyển sang năm 2022 thực hiện): mức đối ứng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 là 5% trên tổng mức ngân sách Trung ương hỗ trợ; Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho Chương trình giai đoạn 2022-2025: mức đối ứng ngân sách địa phương thực hiện theo điểm b khoản 2 Điều 8 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ 1:1.

2. Phân cấp quản lý ngân sách đối ứng: Ngân sách cấp tỉnh 70%; ngân sách cấp huyện 30% trên tổng số vốn ngân sách địa phương đối ứng hằng năm.

3. Đối với cấp huyện có thể cân đối, bố trí đủ vốn đối ứng nhưng không thực hiện đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau, sẽ trừ ngân sách trung ương tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của huyện. Trường hợp cấp huyện sau khi đã sử dụng các nguồn tài chính theo quy định mà không cân đối đủ nguồn lực để thực hiện đối ứng được thì ngân sách tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ.

4. Ngân sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 theo quy định.

5. Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình đến năm 2025, hằng năm và điều kiện thực tế của các huyện, thành phố để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ. Trong quá trình phân bổ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương không nhất thiết phải áp dụng theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại Điều 5 Nghị quyết này.

Điều 7. Tỷ lệ hỗ trợ ngân sách nhà nước thực hiện một số nội dung Chương trình

1. Quy định tỷ lệ vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ và vốn huy động khác thực hiện một số nội dung chương trình cụ thể:

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	
		Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ (%)	Vốn huy động khác (%)
1	Hệ thống thủy lợi nội đồng	90	10
2	Xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư	90	10
3	Cải tạo nghĩa trang nhân dân thôn, liên thôn theo quy hoạch	90	10
4	Hỗ trợ xử lý rác bằng lò đốt rác thải sinh hoạt theo quy mô xã, liên xã đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường	90	10
5	Điểm trung chuyển, tập kết hoặc xử lý rác thải sinh hoạt tại thôn, bản đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường	90	10
6	Hỗ trợ hệ thống điện chiếu sáng công cộng	80	20
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản	70	30
8	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu	70	30

2. Ngoài các nội dung đã được quy định trên, nội dung hỗ trợ khác nhằm hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Lạng Sơn, Công báo tỉnh, Đài PTTH tỉnh Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu